Ngôn ngữ SQL

Creat:

Syntax:

CREAT DATABASE dbname

Example:

CREAT DATABASE testDB

Lưu ý:

1 số câu lệnh ko phân biệt chữ hoa chữ thường

Tên cơ sở dữ liệu không trùng, tiếng việt không dấu và khoảng trắng

Vd:

CREAT TABLE Persons (

PersonID char(50),

LastName varchar(50),

Firstname varchar(50),

Address VARCHAR(255),

City varchar(100)

);

Kiểu char và varchar:

Char là length cố định (nếu nhập nhỏ hơn thì tự động thêm khoảng trắng ở phía sau)

Varchar là length biến đổi

Nvarchar( lưu trữ có dấu dành cho unicode)

Constraints:

* NOT NULL: không được có giá trị null(0 xác định, chưa xác định)
* UNIQUE: không được có giá trị trùng
* PRIMARY KEY: NOT NULL and UNIQUE
* FOREIGN KEY: thiết lập mối quan hệ giữa 2 bảng
* CHECK: kiểm tra điều kiện
* DEFAULT: thiết lập giá trị mặc định

Cách viết Primary key:

C1: chỉ có 1 cột “ID CHAR PRIMARY KEY”

C2: có 2 cột “PRIMARY (ID, LastName)

Cách viết NOT NULL và các lệnh khác:

“ LastName varchar(255) NOT NULL,

FirstName varchar(255),

Address varchar(255),

City varchar(100) DEFAULT = ‘HCM’ [hoặc muốn có dấu thì City nvarchar(100) DEFAULT = N’HCM’]

“

1 cột được gọi là khóa ngoại(FOREIGN KEY) khi là khóa chính(Primary key) của bản khác

Câu lệnh tạo bản có khóa ngoại:

CREAT TABLE Orders (

OrderID int PRIMARY KEY,

OrderNumber int NOT NULL,

PersonID char FOREIGN KEY

REFERENCES Person(PersonID)

)

AUTO INREMENT

PersonID int IDENTIFY(1,1) PRIMARY KEY,

Chú thích: 1 đầu tiên là vị trí bắt đầu 1 thứ 2 là số tắng

Hàm lấy ngày tháng năm: year(getdate()) -> getdate() lấy ngày tháng năm hiện tại, year ở ngoài là lấy year.